| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>Số: 808/2019/QĐST-HNGĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>*Quận 7, ngày 05 tháng 11 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 714/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Bà Lưu Nguyên N, sinh năm 1983.

2/ Ông Võ Hữu T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Số K Khu dân cư S, đường Gò ÔM, tổ 27, khu phố 3, phường PT, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lưu Nguyên N và ông Võ Hữu T qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99/2012, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 09/8/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Hiện nay, bà N và ông Tr cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N và ông T cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lưu Nguyên N và ông Võ Hữu T xác nhận có 03 (Ba) con chung là:

- Võ Ngọc Bảo H (Nữ) sinh ngày 13/8/2012,

- Võ Nguyên D (Nam) sinh ngày 08/4/2015

- Võ Trung Q (Nam) sinh ngày 05/9/2017.

Bà N và ông Trơn thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Hảo sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông Trơn sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà N và ông T xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà N và ông T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà N và ông T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Nguyên N và ông Võ Hữu T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/2012, Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/8/2012 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Lưu Nguyên N và ông Võ Hữu T xác nhận có 03 (Ba) con chung là:

- Võ Ngọc Bảo H (Nữ) sinh ngày 13/8/2012,

- Võ Nguyên D (Nam) sinh ngày 08/4/2015

- Võ Trung Q (Nam) sinh ngày 05/9/2017.

Công nhận sự thỏa thuận: Giao 3 trẻ Võ Ngọc Bảo H (Nữ) sinh ngày 13/8/2012, Võ Nguyên D (Nam) sinh ngày 08/4/2015 và Võ Trung Q (Nam) sinh ngày 05/9/2017 cho bà Lưu Nguyên N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Võ Hữu T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lưu Nguyên N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà N và ông T xác nhận không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà N và ông T xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lưu Nguyên N và ông Võ Hữu T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031721 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lưu Nguyên N và ông Võ Hữu T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đức).

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**